

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DSPT

Ngày: 05/6/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý 04/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, do có kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị H đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST, ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa ra xét xử phúc thẩm số 10/2024/QĐXX-PT ngày 23/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Thôn Xuân Thọ, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông: Nguyễn Văn Quý, sinh năm 1987; Nơi thường trú: CH 9.16 Lô N, chung cư 17,3ha, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (*Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2023, số công chứng 305/HĐUQ quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kỳ Anh, địa chỉ: tổ dân phố 1, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.*(Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1987; Luật sư thuộc công ty Luật TNHH Nguyễn & Brothers; địa chỉ: 86 Đường Nguyễn Trường Tộ, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn Hoa Tân, xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm 1996; nghề nghiệp: Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Minh Anh đoàn Luật sư Hà Nội; địa chỉ: P.1405 tòa B10B khu đô thị Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Hoài T, sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn Hoa Tân, xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn Sơn Bình 1, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

3. Ông Trương Quang T1, sinh năm: 1989; Trú tại: Thôn Sơn Trung 1, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST, ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2023 và bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Đỗ Thị H đã cho ông Nguyễn Văn T vay tiền qua nhiều lần vay và thanh toán thì hiện nay, ông Nguyễn Văn T đang nợ của nguyên đơn các khoản vay cụ thể sau:

1. Khoản vay 878.645.000 đồng:

Theo giấy xác nhận bà Đỗ Thị H đã cung cấp cho Tòa án, từ ngày 18/8/2017 đến ngày 25/02/2019, ông T đã vay của bà H số tiền là 878.645.000 đồng.

Đối với khoản vay này, các bên đã thỏa thuận với nhau, kể từ ngày 25/02/2019 thì ông T phải trả lãi đối với số tiền nêu trên với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Đến nay, ông T vẫn chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi đối với khoản vay này.

2. Khoản vay 900.000.000 đồng:

Khoản vay này ông T vay của bà H chia thành 02 lần:

+ Ngày 24/3/2022, ông T vay của bà Đỗ Thị H số tiền là 710.000.000 đồng, mức lãi suất là 1,5%/tháng. Đến ngày 25/3/2022, ông T trả lại cho bà Đỗ Thị H 360.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 350.000.000 đồng. Khoản vay này được bà Đỗ Thị H và ông T xác nhận tại tin nhắn ngày 24/3/2022 và ngày 25/3/2022, cụ thể là:

Ngày 24/3/2022: “Ngày 24/3/2022, cháu Tùng mượn của dì Hoàn 710.000.000 đồng (Bảy trăm mười triệu đồng) ạ!”

Ngày 25/3/2022: “Hôm nay Tùng chuyển trả dì 360.000.000 đồng”.

+ Ngày 04/4/2022, ông T tiếp tục vay của bà Đỗ Thị H số tiền là 550.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Nội dung về khoản vay này được thể hiện tại tin nhắn ngày 04/4/2022, cụ thể là:

“Ngày 04/4/2022: Châu Tùng mượn của dì Hoàn 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).”

Đối với khoản vay này, đến nay ông T vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào cho bà Đỗ Thị H.

Tính đến thời điểm hiện nay, tổng số tiền mà ông T đã vay của bà Đỗ Thị H đối với 02 khoản vay trên là: 1.778.645.0000 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ngày 19/7/2022 ông T có giao cho bà Đỗ Thị H 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 439636 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên và số DE 518419 mang tên bà Trần Thị H.

Từ thời điểm vay tiền đến nay, bà Đỗ Thị H đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T vẫn không trả cho bà H bất kỳ khoản tiền gốc hay lãi nào. Ngày 09/5/2023, bà Đỗ Thị H đã gửi văn bản yêu cầu ông T thanh toán số tiền trên trước ngày 15/5/2023, mặc dù đã nhận được văn bản nhưng ông T vẫn không có bất kỳ động thái hay thiện chí nào để trả nợ hay xin gia hạn thêm thời hạn thanh toán.

Do đó, tại đơn khởi kiện bà Đỗ Thị H kính đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xem xét, giải quyết các yêu cầu sau đây:

- Lãi suất đối với khoản vay 878.645.000 đồng được tạm tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày 06/06/2023 là: $878.645.000 \text{ đồng} \times 51 \text{ tháng} \times 10 \text{ ngày} \times 1,5\%/\text{tháng} = 676.117.328 \text{ đồng}$;

- Lãi suất đối với khoản vay 350.000.000 đồng được tạm tính từ ngày 24/3/2022 đến ngày 06/06/2023 là: $350.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 13 \text{ ngày} \times 1,5\%/\text{tháng} = 75.600.000 \text{ đồng}$;

- Lãi suất đối với khoản vay 550.000.000 đồng được tạm tính từ ngày 04/4/2022 đến ngày 06/6/2023 là: $550.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 02 \text{ ngày} \times 1,5\%/\text{tháng} = 115.500.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đỗ Thị H là: $1.778.645.000 \text{ đồng} + 867.217.328 \text{ đồng} = 2.645.862.328 \text{ đồng}$ (Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm hai tám đồng). Việc thanh toán đối với số tiền trên phải được thực hiện 01 lần kể từ ngày có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ngày 24/07/2023, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu phản tố với nội dung:

Ngày 24/03/2022, ông T vay của bà Đỗ Thị H số tiền 710.000.000 đồng. Ngày 25/03/2022, ông T đã trả lại bà H số tiền 360.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng.

Sau lần đó ông T có đặt vấn đề vay thêm thì bà H yêu cầu có bìa đỏ nào thì đưa lên để bà làm tin. Nên ngày 19/7/2022 ông Nguyễn Văn T có để lại cho bà Đỗ Thị H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DD 439636, số vào sổ cấp GCN:CS 02571 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/01/2022 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên. Địa chỉ thửa đất: Thôn Tả Tân, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 518419, số vào sổ cấp GCN:CS 02715 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/4/2022 mang tên bà Trần Thị H. Địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Lạc, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh tỉnh. Hà Tĩnh).

Ông có trao đổi đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đến khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng thì ông đòi lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này về.

Đến ngày 26/8/2022 sau khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên vợ chồng Nguyễn Văn T và Trần Thị Hoài T đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại thôn Sơn Bình 2, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, ông mang lên cho bà H để xin lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hồ Xuân Chuyên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H, thì bà H cam kết sẽ xóa nợ và trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên khi mà vợ chồng ông đi ký hợp đồng ủy quyền công chứng.

Đến ngày 19/01/2023 vợ chồng ông đã làm Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Kỳ Anh số công chứng 58/2023/VPCKKA/ HĐUQ, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2023 giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền để thực hiện các giao dịch liên quan đến Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN:CS 00918 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 với thửa đất có địa chỉ tại Thôn Sơn Bình 2, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T.

Cùng ngày vợ chồng ông T, bà T có làm Giấy ủy quyền viết tay giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền ½ giá trị thửa đất số BN 045809, số vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh (nay là thị xã Kỳ Anh) cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh (*đính chính: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T, có địa chỉ tại: xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo hồ sơ số 4857 ngày 26/11/2021*). Địa chỉ thửa đất tại TDP Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nhưng sau khi ký hợp đồng ủy quyền xong xuôi bà H cũng không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hồ Xuân Chuyên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H như đã cam kết.

Do đó, ông T có yêu cầu tại đơn phản tố:

1. Đề nghị Tòa án tuyên bố các giao dịch sau giữa bị đơn ông Nguyễn Văn T và nguyên đơn bà Đỗ Thị H là vô hiệu:

- Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Kỳ Anh số công chứng 58/2023/VPCKKA/ HĐUQ, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2023 giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền để thực hiện các giao dịch liên quan đến Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN:CS 00918 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 với thửa đất có địa chỉ tại Thôn Sơn Bình 2, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T.

- Giấy ủy quyền viết tay giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số BN 045809, số vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh (nay là thị xã Kỳ Anh) cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh (*đính chính: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T, có địa chỉ tại: xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo hồ sơ số 4857 ngày 26/11/2021*). Địa chỉ thửa đất tại TDP Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Buộc bà Đỗ Thị H phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở mà bà H đang nắm giữ bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BN 045809, số vào sổ cấp GCN:CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh (*đính chính: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T, có địa chỉ tại: xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo hồ sơ số 4857 ngày 26/11/2021*). Địa chỉ thửa đất: TDP Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN:CS 00918 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T. Địa chỉ thửa đất: Thôn Sơn Bình 2, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DD 439636, số vào sổ cấp GCN:CS 02571 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/01/2022 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên. Địa chỉ thửa đất: Thôn Tả Tấn, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 518419, số vào sổ cấp GCN:CS 02715 do Sở tài nguyên

và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/4/2022 mang tên bà Trần Thị H. Địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Lạc, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh tỉnh. Hà Tĩnh.

** Tại đơn văn bản trình bày ý kiến đề ngày 24/7/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

- Theo yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H thì bị đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng không có căn cứ:

- Đối với khoản tiền vay 878.645.000 đồng (theo đơn khởi kiện bà H có nêu ngày 25/12/2019 ông T xác nhận nợ tôi số tiền 878.645.000 đồng). Điều này là không có căn cứ vì ông chưa từng xác nhận bất kỳ khoản nợ gốc 878.645.000 đồng nào đối với bà Đỗ Thị H. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện số tiền 878.645.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và khoản tiền lãi trong đó:

+ Tiền gốc 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 228.645.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 19/7/2018 ông Nguyễn Văn T có ký xác nhận số nợ gốc còn lại đối với bà H là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), và yêu cầu bà H cung cấp giấy tờ của từng lần nhận nợ để ông Nguyễn Văn T đối chiếu, tuy nhiên bà H không cung cấp và vẫn yêu cầu ông Nguyễn Văn T ký vào (vì bà lên tại cơ quan ông Nguyễn Văn T làm việc, vì uy tín và danh sự của bản thân nên ông Nguyễn Văn T vẫn ký cho xong).

Sau ngày 19/7/2018 ông Nguyễn Văn T đã nhiều lần thanh toán khoản tiền vay cho bà H cụ thể:

Ngày 17/10/2018 ông T trả cho bà H 280.000.000 đồng. Ngày 18/10/2018 ông trả cho bà H 160.000.000 đồng. Ngày 06/11/2018 ông trả cho bà H 150.000.000 đồng. Ngày 08/11/2018 ông trả cho bà H 100.000.000 đồng. Tổng 4 lần trên ông Nguyễn Văn T đã thanh toán cho bà Đỗ Thị H 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng) mỗi lần thanh toán tiền bà H đều viết vào giấy và giữ lại không đưa cho ông Nguyễn Văn T.

Thời điểm ngày 25/02/2019 bà H có tính toán, ghi lại toàn bộ nợ gốc và nợ lãi của các khoản vay để yêu cầu ông Nguyễn Văn T ký nhưng ông đã từ chối và không ký vì khoản này đã thanh toán cho bà H.

Nên ông Nguyễn Văn T không chấp nhận yêu cầu đối với khoản tiền vay 878.645.000 đồng của bà Đỗ Thị H. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà H cung cấp chi tiết các giấy nhận nợ đối với từng lần vay và từng lần thanh toán.

- Đối với khoản tiền vay ngày 24/3/2022 và ngày 04/4/2022

Trong đơn khởi kiện bà H có nêu “ Ngày 24/3/2022 ông T có vay thêm của tôi số tiền là 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) lãi suất 1,5% /tháng đến ngày 25/3/2023 ông T đã thanh toán 360.000.000 đồng, còn nợ 350.000.000

đồng. Ngày 04/04/2022 ông T tiếp tục vay thêm của tôi số tiền 550.000.000 đồng với lãi suất 1,5% tháng”

Ông xác nhận có đề cập vay của bà H 2 khoản vay trên. Tuy nhiên bà H chỉ cho ông Nguyễn Văn T vay khoản tiền 710.000.000 đồng và ông đã trả 360.000.000 đồng, hiện còn nợ 350.000.000 đồng như bà H đã trình bày trong đơn, nhưng hai bên không có bất kỳ thỏa thuận nào về thời hạn vay hay thỏa thuận về lãi suất.

Đối với khoản tiền vay 550.000.000 đồng ông Nguyễn Văn T có nhắn tin đề cập như nội dung bà H đã cung cấp ngày 04/4/2022, nhưng khi ông nhắn tin bà H không có phản hồi gì và cũng không cho ông vay số tiền 550.000.000 đồng như ông đã đề cập.

Nên ông Nguyễn Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện buộc ông phải thanh toán số tiền 550.000.000 đồng với lãi suất 1,5% /tháng này.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T thừa nhận việc ông có vay bà Đỗ Thị H 03 lần với tổng số tiền 1.550.000.000đ (*một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng*) theo giấy chốt nợ ngày 25/02/2019 và các tin nhắn tại các ngày 24/3/2022 và ngày 04/4/2022. Ông cũng không có ý kiến hay khiếu nại về việc, yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Việc ông T1 và bà H cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đặt làm tin, chứ ông T1 và bà H không có trách nhiệm trả nợ thay ông T.

- *Ý kiến của bà H đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T:*

Những yêu cầu mà ông Nguyễn Văn T đưa ra trong đơn yêu cầu phản tố ngày 24/7/2023 và văn bản trình bày ý kiến ngày 24/7/2023 bà H hoàn toàn không đồng ý. Bởi lẽ:

1) Về yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu: *Đối với Hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng Kỳ Anh, số công chứng 58.2023/VPCKA/HĐUQ, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2023 và Giấy ủy quyền viết tay về việc vợ, chồng ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho bà H ½ giá trị của thửa đất tại địa chỉ phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh:* Đây là 02 tài sản đảm bảo cho khoản vay khác giữa bà H và vợ, chồng ông T, không liên quan đến yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thụ lý theo Thông báo thụ lý vụ án số 16/2023/TB-TLVA ngày 30/6/2023. Do đó, yêu cầu phản tố này của ông T là không có cơ sở.

2) Về yêu cầu buộc trả lại cho vợ, chồng ông T 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

- *Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN: CS 00918 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 045809, số vào sổ cấp*

GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh:

Như đã đề cập trước đó, đây là 02 tài sản đảm bảo cho khoản vay khác giữa bà H và vợ, chồng ông T, không liên quan đến yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thụ lý theo Thông báo thụ lý vụ án số 16/2023/TB-TLVA ngày 30/6/2023. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông T liên quan đến 02 tài sản này không có cơ sở để giải quyết trong vụ án này. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN: CS 00918 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T được đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 07/9/2022 do ông Nguyễn Văn T viết và ký xác nhận. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 045809, số vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh được ông Nguyễn Văn T thế chấp đảm bảo cho khoản vay 1.615.000.000 đồng theo giấy các nhận đề ngày 19/01/2023 do ông T viết và ký xác nhận

- Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 439636, số vào sổ cấp GCN: CS 02571 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/01/2022 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 518419, số vào sổ cấp GCN: CS 02715 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/4/2022 mang tên bà Trần Thị H:

Bà H không đồng ý với yêu cầu này vì theo Giấy viết tay ngày 19/7/2022 do ông Nguyễn Văn T lập thì mục đích của việc ông T đưa cho bà H giữ 02 Giấy chứng nhận nêu trên đã được ông T xác nhận rõ là để đảm bảo cho khoản vay của ông T, nội dung cụ thể là: “Ngày 19/07/2022, cháu Tùng để lại 2 bìa đất DD 439636 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên và bìa DE 518419 mang tên bà Trần Thị H để bảo đảm cho số tiền vay đứng tên Tùng”. Do đó, hiện nay bà H vẫn đang giữ 02 Giấy chứng nhận như trong giấy viết tay của ông T nêu trên. Trường hợp ông T hoàn trả cả tiền gốc và tiền lãi là 2.747.784.415 đồng cho bà H thì đồng ý trả lại 02 Giấy chứng nhận nêu trên cho ông T.

Tại văn bản trình bày ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngày 12/01/2024 có thay đổi bổ sung về nội dung và phần lãi như sau:

- Khoản vay giữa ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H là khoản vay cá nhân giữa hai người không liên quan đến ai khác.

- Lãi suất đối với khoản vay 878.645.000 đồng được tạm tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày 12/01/2024 là: 878.645.000 đồng x 58 tháng 17 ngày x 1,5%/tháng = 771.889.633 đồng;

- Lãi suất đối với khoản vay 350.000.000 đồng được tạm tính từ ngày 25/3/2022 đến ngày 12/01/2024 là: $350.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 113.400.000 \text{ đồng}$;

- Lãi suất đối với khoản vay 550.000.000 đồng được tạm tính từ ngày 05/4/2022 đến ngày 12/01/2024 là: $550.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 175.175.000 \text{ đồng}$.

Vậy tổng số tiền gốc và lãi mà ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đỗ Thị H là: $(878.645.000 \text{ đồng} + 350.000.000 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng}) + 1.060.464.633 \text{ đồng} = 2.839.109.633 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, một trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng). Việc thanh toán đối với số tiền trên phải được thực hiện 01 lần kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kính đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu phản tố trong đơn yêu cầu phản tố ngày 24/7/2023 của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đồng ý với đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 25/06/2023 và văn bản thay đổi bổ sung yêu cầu ngày 12/01/2024.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoài T đồng ý với lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đồng ý với lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quang T1: Tại văn bản ý kiến ngày 19/10/2023 ông trình bày; ông T1 là người nhận ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất từ ông Hồ Xuân Chuyên. Ngày 24/03/2021 tại văn phòng công chứng ông Trương Quang T1 và ông Hồ Xuân Chuyên đã ký hợp đồng ủy quyền nên ông Chuyên đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 573, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất: Thôn Tả Tấn, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 439636, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 02571, mang tên Hồ Xuân Chuyên. Sau khi có ủy quyền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Trương Quang T1 đã đưa và nhờ ông Nguyễn Văn T làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Vì chưa vội nên chưa nộp hồ sơ chuyển nhượng mà vẫn để hồ sơ ở ông Nguyễn Văn T. Sau đó ông Nguyễn Văn T có trao đổi muốn mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hồ Xuân Chuyên đặt làm tin để vay tiền chỗ người quen, ông đã đồng ý cho ông T mượn. Nay được biết ông T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T cho bà Đỗ Thị H để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Xuân Chuyên về, nhưng không hiểu vì lý do gì mà bà Đỗ Thị H vẫn chưa hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Xuân Chuyên cho ông T. Việc tranh chấp giữa bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn T, ông Trương Quang T1 không liên quan nên đề nghị bà Đỗ Thị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Xuân Chuyên cho ông T1. Ông

Trương Quang T1 không có yêu cầu độc lập.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H: Tại văn bản ý kiến ngày 19/10/2023 bà trình bày: Tháng 04/2022 bà Trần Thị H được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền trên đất số DE518419 đối với thửa đất số 509, tờ bản đồ số 42; địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Lạc, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh,; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, mang tên Trần Thị H. Sau đó bà có đưa bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và nhờ ông Nguyễn Văn T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Vì chưa vội nên chưa nộp hồ sơ chuyển nhượng mà vẫn để hồ sơ chỗ ông Nguyễn Văn T. Sau đó ông Nguyễn Văn T có trao đổi muốn mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H đặt làm tin để vay tiền chỗ người quen, bà đã đồng ý cho ông T mượn. Nay được biết ông T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T cho bà Đỗ Thị H để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H về, nhưng không hiểu vì lý do gì mà bà Đỗ Thị H vẫn chưa hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H cho ông T. Việc tranh chấp giữa bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H không liên quan nên đề nghị bà Đỗ Thị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H cho bà H. Bà Trần Thị H không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST, ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Khoản 1, Điều 227, khoản 1, Khoản 2, Điều 228, Điều 271, khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280, Khoản 2 Điều 112, của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 278, Điều 292, Điều 295, Điều 298 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Điều 8, Điều 35 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điểm b Khoản 1, Khoản 3 Điều 24, Khoản 4, Khoản 5, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là 1.550.000.000đ (*Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

3. Chấp nhận một phần tiền lãi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: 91.837.500đ (*Chín mươi một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

4. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền cộng nợ lãi vào nợ gốc là 228.645.000đ (*Hai trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

5. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi là: 968.627.000đ (*Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn*).

6. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 (*Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và số tiền nợ lãi là 91.837.500đ, Tổng cộng 1.641.837.500đ (*Một tỷ, sáu trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng chẵn*).

7. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc: Tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Kỳ Anh số công chứng 58/2023/VPCCCKA/HĐUQ, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2023 giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền để thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN:CS 00918 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 với thửa đất có địa chỉ tại Thôn Sơn Bình 2, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T và Giấy ủy quyền viết tay giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền ½ giá trị thửa đất số BN 045809, số vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh (nay là thị xã Kỳ Anh) cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh (*đính chính: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T, có địa chỉ tại: xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo hồ sơ số 4857 ngày 26/11/2021*). Địa chỉ thửa đất tại TDP Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và việc yêu cầu buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị H phải trả lại cho vợ chồng ông 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên.

8. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Buộc bà Đỗ Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 439636, số vào sổ cấp GCN: CS 02571 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/01/2022 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 518419, số vào sổ cấp GCN: CS 02715 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/4/2022 mang tên bà Trần Thị H.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Đỗ Thị H kháng cáo một phần nội dung Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh về việc không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 228.645.000 đồng và một phần tiền lãi 968.627.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý với số tiền nợ 878.645.000 đồng trong giấy xác nhận nợ ngày 25/12/2019, ông T chỉ xác nhận nợ bà H số tiền gốc là 650.000.000 đồng, không chấp nhận số tiền lãi 228.645.000 đồng cộng vào nợ gốc.

Không đồng ý cách tính thời điểm chậm thanh toán, mức lãi suất 1,5% và số tiền lãi 968.627.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận văn bản yêu cầu thanh toán ngày 09/5/2023, nên thời điểm chậm thanh toán phải tính từ ngày 16/5/2023. Các bên không thỏa thuận lãi suất, cũng như nguyên đơn không cung cấp được tài liệu nào chứng minh có thỏa thuận về lãi suất, nên bị đơn chỉ trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đã đề nghị Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS - ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát iên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 BLTTDS và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của một số đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà H, ông T1). Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

[2.1] Về số tiền vay: đối với khoản nợ gốc 228.645.000 đồng bà Đỗ Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà:

Bà H cho rằng tại thời điểm chốt nợ đến ngày 25/02/2019, ông T còn nợ bà H là 878.645.000đ. Đối với khoản vay này, quá trình giải quyết vụ án, ông T chỉ thừa nhận số tiền còn nợ bà H là 650.000.000đ là chữ viết của mình và cho rằng mình đã thanh toán đầy đủ cho bà H khoản tiền vay 650.000.000 đồng có hình ảnh chụp điện thoại kèm theo. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông T thay đổi ý kiến và thừa nhận còn nợ bà H 650.000.000đ là có căn cứ. Về khoản nợ này, bà H cộng nợ lãi là 228.645.000đ vào nợ gốc và yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền 878.645.000đ là không có căn cứ bởi vì việc thỏa thuận vay của các bên không có kỳ hạn và không có lãi, bà H cũng chưa đòi lại số tiền mà ông T đã vay tại thời điểm đó nên việc bà H tính lãi để cộng vào tổng số nợ là không đúng theo quy định tại điều 469 Bộ luật Dân sự mà cần khẳng định ông T còn nợ bà H số tiền là 650.000.000đ là đúng thực tế. Tại Giấy xác nhận nợ ngày 25/02/2019, ông Nguyễn Văn T chỉ ký xác nhận về việc nợ bà H số tiền 650.000.000đ chứ không ký xác nhận vào khoản tiền lãi 228.645.000đ. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu của bà H buộc ông Nguyễn Văn T trả số tiền gốc 228.645.000đ là có căn cứ và đúng quy định, bà H kháng cáo đề nghị sửa bản án chấp nhận yêu cầu này của bà là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, Ông T khai hai bên không có thỏa thuận về mức lãi suất, còn bà H khai lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Tại giấy chốt nợ ngày 25/02/2019 cũng như các tin nhắn không thể hiện việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn T giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến thỏa thuận về lãi và việc trả lãi, tuy nhiên các đương sự đều không cung cấp được. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà H là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi.

Theo quy định khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác”, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: “Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả, nếu các bên có thỏa thuận về việc trả lãi đối với nợ gốc quá hạn. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc) và tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời

gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét quyết định”.

Ngày 9/5/2023, bà H có văn bản yêu cầu ông T trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.778.645.000đ và hạn đến ngày 15/5/2023 ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc nói trên và tiền lãi phát sinh nên thời gian áp dụng tính lãi được tính tiếp theo sau ngày ấn định là ngày 16/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/01/2024.

Về mức lãi suất đối với nợ chậm trả, tại thông báo của các ngân hàng gồm:

- Đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Kỳ Anh: Từ ngày 05/9/2023 cho đến nay, căn cứ văn bản số 2849/NHNo.HTII-KHNV ngày 05/9/2023, văn bản số 3838 NHNo.HTII-KHNV ngày 10/11/2023 của Agribank chi nhánh Hà Tĩnh II thì mức lãi suất cho vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường: đến 3 tháng tối thiểu 6%/năm; trên 3 tháng đến 6 tháng tối thiểu 6,5%/năm; trên 6 tháng đến 12 tháng tối thiểu 7%/năm.

- Từ ngày 05/9/2023 cho đến nay căn cứ thông báo 2214/TB-HTI-KT ngày 05/9/2023 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt nam chi nhánh Hà Tĩnh thì căn cứ phụ lục 2 đối với mục đích vay tiêu dùng phục vụ đời sống; cho vay mua/sửa/xây BĐS tiêu dùng: ngắn hạn 9,5%/năm, trung hạn 10%/năm.

- Căn cứ công văn số 80/NVQĐ-SPTDCN.23 ngày 10/04/2023 và công văn số 199/NVQĐ-SPTDCN.23 từ ngày 24/8/2023, ACB-PGD Kỳ Anh thông báo: Nhóm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống; ngắn hạn 10,5%/năm; trung - dài hạn 11,5%/năm

Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ mức lãi suất cho vay tiêu dùng ngắn hạn của 3 ngân hàng chia ra để làm cơ sở cho việc tính lãi suất là 9%/năm là đúng quy định.

Do đó, ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đỗ Thị H tiền lãi của số tiền gốc là: 1.550.000.000 đồng từ ngày 16/5/2023 đến ngày 12/01/2024 là 7 tháng 27 ngày, cụ thể là: 1.550.000.000 đồng tiền gốc x 9%/năm x 07 tháng 27 ngày = 91.837.500đ (Chín mươi một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền lãi là có căn cứ và đúng quy định. Việc bà Đỗ Thị H kháng cáo đề nghị mức lãi suất 1,5%/tháng tương đương số tiền lãi 1.060.464.633 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, chấp nhận một phần tiền lãi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đảm bảo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Đỗ Thị H không có cơ sở chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bà Đỗ Thị H không có tài liệu, chứng cứ gì mới chứng

minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của bà Đỗ Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 01/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Khoản 1, Điều 227, khoản 1, Khoản 2, Điều 228, Điều 271, khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280, Khoản 2 Điều 112, của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 278, Điều 292, Điều 295, Điều 298 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Điều 8, Điều 35 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điểm b Khoản 1, Khoản 3 Điều 24, Khoản 4, Khoản 5, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

3. Chấp nhận một phần tiền lãi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: 91.837.500 đồng (*Chín mươi một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

4. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền cộng nợ lãi vào nợ gốc là 228.645.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

5. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi là: 968.627.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn*).

6. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và số tiền nợ lãi là 91.837.500 đồng, Tổng cộng 1.641.837.500 đồng (*Một tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng chẵn*).

7. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc: Tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Kỳ Anh số công chứng 58/2023/VPCKKA/HĐUQ, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2023 giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền để thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 910564, số vào sổ cấp GCN:CS 00918 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/8/2022 với thửa đất có địa chỉ tại Thôn Sơn Bình 2, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T và Giấy ủy quyền viết tay giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Hoài T với bà Đỗ Thị H về việc ủy quyền $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số BN 045809, số vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh (nay là thị xã Kỳ Anh) cấp ngày 28/02/2013 mang tên ông Dương Sơn Hà và bà Chu Thị Thanh (*đính chính: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Hoài T, có địa chỉ tại: xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo hồ sơ số 4857 ngày 26/11/2021*). Địa chỉ thửa đất tại TDP Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và việc yêu cầu buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị H phải trả lại cho vợ chồng ông 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên.

8. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Buộc bà Đỗ Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 439636, số vào sổ cấp GCN: CS 02571 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/01/2022 mang tên ông Hồ Xuân Chuyên; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 518419, số vào sổ cấp GCN: CS 02715 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/4/2022 mang tên bà Trần Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

9. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPK

10. Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H phải nộp án phí phần tiền gốc và tiền lãi không được Tòa án chấp nhận là 47.918.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng chẵn*) và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí yêu cầu phản tố của bị đơn một phần được Tòa án chấp nhận. Nhưng được khấu

trừ số tiền 42.460.000 đồng (*Bốn hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*), tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh theo biên lai thu tiền số 0014576 ngày 30/06/2023.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 61.255.000đ (*Sáu mươi một triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn*) và án phí yêu cầu phản tố một phần không được chấp nhận là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*). Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn chẵn*) mà bị đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai số 0014581 ngày 31/7/2023.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014639 ngày 31/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khắc Hoàng Bùi Minh Thư

Trần Thị Thu Hiền

